

Số: **256** /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **15** tháng **3** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 07 tháng 3 năm 2023 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, ngày nắng, miền Đông có nơi có nắng nóng; đêm không mưa. Gió đông bắc đến đông cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 21°C - 24°C, nhiệt độ cao nhất từ 31°C - 34°C, miền Đông có nơi trên 34°C.

Dự báo tuần tới: Chiều tối và đêm có mưa rào vài nơi, ngày nắng, riêng miền Đông Nam Bộ có nơi nắng nóng. Nhiệt độ trung bình từ: 28,0°C - 29,0°C. Giá trị tổng lượng mưa <5mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa Vụ Đông xuân 2022 - 2023

Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	-
Đẻ nhánh	-
Làm đòng	89
Trỗ	316
Chín	1.371
Thu hoạch	2.372
Tổng	4.148

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Đông xuân 2022-2023		6.511,1	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	1.699,8
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.620,0	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	340
- RALDN	-		Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	508,4	3. Cây lương thực	Nhiều giai đoạn	381,4
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	402,4	Bắp	Sinh trưởng	314,0
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	248,4	Khoai mì	Sinh trưởng	65,4
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	189,1	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.319
- RMN	Nhiều giai đoạn	2.021,4			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi côn trùng vào bẫy đèn rầy nâu trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			06/3	07/3	08/3	09/3	10/3	11/3	12/3	13/3
1	Cù Chi	Thái Mỹ	82	78	69	75	34	21	17	14
		Trung Lập Thượng	44	48	60	18	56	64	76	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ xít hôi	3-5			1-3	HM
2	OBV	3-10			Các giai đoạn	HM
3	Chuột	3			Các giai đoạn	HM, BT
4	Đạo ôn	3-10			1-3	HM,BT
5	Vàng lá	2-10			1-3	BT

b) Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC, BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC, CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đốm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 667,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (460,8 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Bọ xít hôi, ốc bươu vàng và bệnh đạo ôn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- *Bọ xít hôi*: gây hại trên 5,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (43,5 ha).
- *Ốc bươu vàng*: gây hại trên 654 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (270 ha).
- *Bệnh đạo ôn*: gây hại trên 4,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (42,8 ha).

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 589,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (670,9 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 370,6 lượt ha chiếm 62,9% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Sâu ăn tạp*: gây hại trên 119,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (140,6 ha).
- *Sâu xanh*: gây hại trên 58,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (62 ha).
- *Bọ nhảy*: gây hại trên 23,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (24,2 ha).
- *Rầy xám*: gây hại trên 20,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (54,4 ha).
- *Ốc bươu vàng*: gây hại trên 208,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (218,6 ha).
- *Bệnh rỉ trắng*: gây hại 33,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (52,8 ha).
- *Bệnh đốm lá*: gây hại 10,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (13,5 ha).
- *Bệnh thối nhũn*: gây hại 7,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (10,7 ha).

c) Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Tổng diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá là 0,5 ha, chiếm 0,76% diện tích gieo trồng (65,4 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30% và gây hại chủ yếu trên các giống khoai mì KM505 (0,5 ha).

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- *Rầy nâu*: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến tuổi 5 – trưởng thành với mật số thấp. Chú ý thăm đồng, theo dõi chặt diễn biến của rầy nâu trên đồng để có biện pháp quản lý hiệu quả đối tượng này.

- *Các loại bệnh hại*: Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của bệnh hại trên đồng. Cần chú ý bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt giai đoạn lúa đồng trổ - chín.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Hoa lan*: Bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ, ốc sên.

- *Hoa mai*: Sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng.

d) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Cần theo dõi bệnh khảm lá virus đối với diện tích xuống giống mới. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dứa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy dầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vuron lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sản.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA
 (Kèm theo Báo cáo số 256 /BC-CCTTBVTV, ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

1. Vụ Đông xuân 2022 - 2023

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb	Nặng		Kỳ trước	CKNT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bộ xít hôi	5,9			5,9	14,3	43,5		HM
2	OBV	4,2			4,2	15,5	42,8		HM
3	Chuột	654,0			654,0	747	270		HM, BT
4	Đạo ôn	2,5			2,5	12,3	40,5		HM,BT
5	Vàng lá	1,0			1,0	1			BT
	Tổng	667,6			667,6	808,9	460,8		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCTTBVTV, ngày tháng năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhầy	23,9			23,9	25,2	24,2	15,5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	58,1			58,1	57,5	62,0	37,4	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	16,1			16,1	15,1	13,9	9,9	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	16,4			16,4	16,4	4,6	9,2	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,6	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	119,7			119,7	118,6	140,6	73,8	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	15,8			15,8	15,8	20,0	8,8	CC, BC
8	Rầy mềm	1,3			1,3	1,3	1,8	1,2	BC, BT
9	Rầy xanh	15,1			15,1	15,2	25,1	7,7	HM, BC, CC
10	Rầy xám	20,6			20,6	22,3	54,4	10,4	TĐ, HM, Q12
11	Bọ phấn	10,0			10,0	10,0	8,1	6,0	CC
12	Sâu đục đọt	1,1			1,1	1,1	1,6	1,1	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	1,0		TĐ
14	Ruồi đục trái	18,6			18,6	18,5	10,6	12,6	BC, CC
15	OBV	208,5			208,5	208,5	218,6	136,7	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	0,60			0,60	0,60	0,5	0,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cài	7,0			7,0	7,6	10,7	4,3	HM, Q12, BC
18	Ri trắng/RM	33,0			33,0	34,8	52,8	23,2	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đốm lá	10,0			10,0	10,6	13,5	6,3	BC, HM, Q12
20	Ph. vàng/dừa leo, khổ qua	0,8			0,8	1,1	3,0	0,5	HM
21	Vàng lá	6,7			6,7	7,3	2,3	3,7	TĐ, HM
	Tổng	589,1			589,1	593,3	670,9	370,6	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT